

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 12 - 02 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Cao Khánh

Ông Dương Hùng Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2019/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp xin ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 290/2019/HNGĐ-ST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Tắc T, xã Lợi A, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Dương Kim K, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Tắc T, xã Lợi A, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Người kháng cáo: Bà Dương Kim K – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Bùi Văn Đ trình bày:

Ông và bà K kết hôn năm 1983, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lợi A, huyện T, tỉnh Cà Mau. Chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bà K bỏ nhà đi trị bệnh cho đến nay không về và còn cương quyết đòi ly hôn với ông. Nay ông xác định mâu thuẫn của vợ chồng là rất trầm trọng nên yêu cầu xin ly hôn với bà K.

Về con chung: Có 04 con tên Bùi Quốc D1, sinh năm 1988; Bùi Quốc D2, sinh năm 1989; Bùi Văn C, sinh năm 1991 và Bùi Thu Ch, sinh năm 1993. Các con đã trưởng thành, có cuộc sống kinh tế ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia.

Về nợ chung: Có nợ Ngân hàng chính sách huyện T và nợ Ngân hàng nông nghiệp huyện T hơn 300.000.000 đồng.

Bị đơn bà Dương Kim K trình bày:

Bà và ông Đ kết hôn năm 1984 và có đăng ký kết hôn đúng quy định. Nguyên nhân mâu thuẫn do trong quá trình chung sống ông Đ thường xuyên gây mâu thuẫn, dùng lời lẽ xúc phạm bà, có nhiều hành vi bạo lực gia đình. Do vậy, đầu năm 2015 bà đi thành phố Hồ Chí Minh sống với con đến nay. Nay bà xác định nếu ông Đ không phân chia tài sản rõ ràng thì bà không đồng ý ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có 04 con chung như ông Đ trình bày là đúng, các con đã trưởng thành, có gia đình riêng và thống nhất không đặt ra xem xét.

Về tài sản: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 phần đất thổ cư khoảng 9.000m² và đất ruộng 08 công tầm lớn, 01 căn nhà có 03 giường hộp, 6 kệ, 01 bộ salong, 01 trường kỹ, 01 tủ ti vi, 01 tủ nhôm, 01 tủ phê và yêu cầu phân chia.

Về nợ chung: Vợ chồng có vay tiền tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện T 23.000.000 đồng. Ngoài ra vợ chồng không còn nợ ai khác.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 290/2019/HNGĐ-ST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T quyết định:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Đ. Cho ông Bùi Văn Đ được ly hôn với bà Dương Kim K.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20/11/2019 bà Dương Kim K kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Bà yêu cầu phân chia tài sản chung, nếu không phân chia tài sản chung thì bà không đồng ý ly hôn với ông Đ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn đồng ý với bản án sơ thẩm.

Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, nếu không phân chia tài sản chung thì không đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà Dương Kim K, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm không đưa Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T tham gia tố tụng; Thông báo thụ lý vụ án (bổ sung) ban hành năm 2018 trước khi thụ lý vụ án năm 2019; tại phiên hòa giải bà K đặt ra chia tài sản chung nhưng Tòa án không hướng dẫn cho đương sự về việc yêu cầu này đã vi phạm Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình, gây thiệt hại đến quyền lợi của bà K và các con.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 290/2019/HNGĐ-ST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Đ được ly hôn với bà Dương Kim K. Bà K kháng cáo với nội dung nếu không chia tài sản chung thì không đồng ý ly hôn.

[2] Xem xét kháng cáo của bị đơn, nhận thấy trong thời kỳ hôn nhân xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, theo như bà K xác nhận ông Đ có lời lẽ xúc phạm, có hành vi bạo lực với bà nên vợ chồng đã ly thân từ khoảng năm 2015, với thời gian dài ly thân khoảng 04 năm nhưng cả hai vẫn không hòa giải, không có biện pháp để hàn gắn hôn nhân, về phía ông Đ cho rằng không còn tình cảm vợ chồng, không thể hàn gắn; đối với bà K cũng không còn tình thương, không có thiện chí hàn gắn hôn nhân được thể hiện là bà đặt ra điều kiện chia tài sản thì bà đồng ý ly hôn, tại phiên tòa phúc thẩm bà xác định hôn nhân không thể hàn gắn. Với những mâu thuẫn này, nhận thấy đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên cấp sơ thẩm căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho ông Đ ly hôn với bà K là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của bà K về việc không đồng ý ly hôn.

[3] Đối với chia tài sản chung: Tại phiên hòa giải bà K đặt ra yêu cầu chia tài sản chung (yêu cầu này sau khi Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ), nhưng đây là vụ án hôn nhân gia đình đáng ra cấp sơ thẩm phải có văn bản hoặc hướng dẫn cho đương sự về việc yêu cầu chia tài sản chung thì mới giải quyết vụ án một cách toàn diện, nhưng cấp sơ thẩm lại không giải quyết. Tuy nhiên, bà K vẫn có quyền khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu chia tài sản chung theo quy định của pháp

luật, chứ bà K không bị mất đi quyền yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Xét thấy, nếu hủy án sơ thẩm cũng làm không thay đổi bản chất của vụ án, quyền lợi của các đương sự vẫn không bị xâm phạm. Do Tòa án cấp sơ thẩm chưa thụ lý giải quyết về chia tài sản chung, nên cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét. Sau khi ly hôn bà K vẫn có quyền khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu chia tài sản chung theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm vấn đề này.

[4] Từ nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Kim K, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 290/2019/HNGĐ-ST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa hủy án sơ thẩm. Hội đồng xét xử nhận thấy nếu hủy án sơ thẩm về bản chất vụ án cũng không thay đổi, không xâm phạm đến lợi ích của đương sự, tại phiên tòa phúc thẩm bà K vẫn xác nhận không thể hàn gắn hôn nhân mà phải ly hôn. Vì vậy, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm bà K phải chịu, đã dự nộp được chuyển thu.

[7] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Kim K, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 290/2019/HNGĐ-ST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Đ. Cho ông Bùi Văn Đ được ly hôn với bà Dương Kim K.

2. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Đ phải chịu 300.000 đồng, bà K đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0003439 ngày 17/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T được chuyển thu.

- Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm bà K phải chịu 300.000 đồng, bà K đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0002871 ngày 20/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T được chuyển thu.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Hiền